

Mẫu CBTT-03

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TPHCM

223 Nguyễn Tri Phương, P.9, Q.5, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 3 năm 2007

IA. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	30/09/2007 VND	01/01/2007 VND
I	Tài sản ngắn hạn	60.249.320.190	74.192.199.308
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.481.556.649	15.760.619.459
2	Các khoản đầu tư TC ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	20.058.608.671	24.109.684.571
4	Hàng tồn kho	34.473.582.641	33.280.311.963
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.235.572.229	1.041.583.315
II	Tài sản dài hạn	28.439.977.409	17.729.267.660
1	Các khoản thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	15.607.090.350	14.163.665.314
	* Tài sản cố định hữu hình	15.537.177.640	14.051.804.981
	* Tài sản cố định vô hình	69.912.710	111.860.333
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư TC dài hạn	278.800.000	248.515.610
5	Tài sản dài hạn khác	12.554.087.059	3.317.086.736
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	88.689.297.599	91.921.466.968
IV	Nợ phải trả	51.938.383.105	58.997.362.668
1	Nợ ngắn hạn	43.157.611.345	57.597.362.668
2	Nợ dài hạn	8.780.771.760	1.400.000.000
V	Vốn chủ sở hữu	36.750.914.494	32.924.104.300
1	Vốn chủ sở hữu	36.414.682.653	31.851.564.368
	-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	28.800.000.000	28.800.000.000
	-Thặng dư vốn cổ phần		
	-Vốn khác của chủ sở hữu		
	-Cổ phiếu quỹ		
	-Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	-Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	-Các quỹ	2.486.583.864	2.486.583.864
	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.128.098.789	564.980.504
	-Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	336.231.841	1.072.539.932
	-Quỹ khen thưởng phúc lợi	336.231.841	1.072.539.932
	-Nguồn kinh phí		

	-Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	88.689.297.599	91.921.466.968

IIA. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/ 2007	9 tháng đầu năm 2007
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.661.015.222	126.622.178.560
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	155.649.861	241.054.080
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.505.365.361	126.381.124.480
4.	Giá vốn hàng bán	53.073.296.197	110.856.201.291
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.432.069.164	15.524.923.189
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	53.432.197	167.359.852
7.	Chi phí hoạt động tài chính	454.506.973	1.177.429.140
	Trong đó: Chi phí Lãi vay	425.966.388	1.076.210.110
8.	Chi phí bán hàng	2.226.676.206	4.674.803.423
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.351.895.293	5.300.919.923
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.452.422.889	4.539.130.555
11.	Thu nhập khác	36.872.863	146.234.567
12.	Chi phí khác	99.839.626	122.246.837
13.	Lợi nhuận khác	-62.966.763	23.987.730
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.389.456.126	4.563.118.285
15.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	miễn thuế	miễn thuế
16.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.389.456.126	4.563.118.285
17.	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.177	1.584
18.	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Người lập bảng,

Phạm Thị Nhân

TP.HCM, ngày 05 tháng 10 năm 2007
Kế toán trưởng Giám đốc

Trần Văn Hưng

Từ Văn Sơn